

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp
Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Thọ Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa
đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của
UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp Văn phòng
Hạt kiểm lâm huyện Thọ Xuân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8611/SXD-HĐXD
ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt
Kiểm lâm huyện Thọ Xuân (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện
Thọ Xuân với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên dự án:** Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Thọ Xuân.
- Chủ đầu tư:** Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa.
- Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:** Công ty Cổ

phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng T-Light.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Thọ Xuân tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân.

5. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

6. Số bước thiết kế: 01 bước.

7. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 8278/SXD-HĐXD ngày 04/11/2024.

8. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo, sửa chữa Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Thọ Xuân nhằm khắc phục tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình, đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, sinh hoạt cho các cán bộ của đơn vị, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn huyện Thọ Xuân.

9. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

9.1. Hạng mục: Cải tạo Nhà làm việc

- Đục bỏ toàn bộ vữa trát tường, cột, trát mới bằng vữa XM mác 75, quét sơn 1 nước lót và 2 nước màu. Bóc bỏ gạch lát tường khu vệ sinh thay bằng gạch men kích thước (600 x 300) mm cao 2,4 m.

- Cạo lớp sơn dăm và trần hiện trạng, quét sơn 1 nước lót và 2 nước màu.

- Tháo dỡ thay thế mái tôn bằng tôn sóng dày 0,4 mm.

- Đục bỏ lớp vữa lán tạo dốc mái, vệ sinh và xử lý chống thấm mái.

- Thay toàn bộ cửa bằng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38 mm.

- Bóc bỏ toàn bộ nền phòng và hành lang, lát lại bằng gạch ceramic kích thước (500 x 500) mm. Riêng nền khu vệ sinh, lát gạch chống trơn kích thước (300 x 300) mm.

- Thay mới hệ thống đường dây và thiết bị điện trong phòng và hành lang, hệ thống chống sét.

- Tháo dỡ và thay thế đường ống cấp nước hiện trạng bằng ống PPR.

- Tháo dỡ ống thoát nước mái cũ thay thế bằng ống PVC D90.

- Hệ thống PCCC thiết kế theo quy định hiện hành.

9.2. Hạng mục: Cải tạo Nhà bếp ăn

- Đục bỏ toàn bộ vữa trát tường, cột, trát mới bằng vữa XM mác 75, quét sơn 1 nước lót và 2 nước màu.

- Cạo lớp sơn dăm và trần hiện trạng, quét sơn 1 nước lót và 2 nước màu.

- Tháo dỡ thay thế mái tôn bằng tôn sóng dày 0,4 mm.

- Đục bỏ lớp vữa lán tạo dốc mái, vệ sinh và xử lý chống thấm mái.
- Thay toàn bộ cửa bằng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38 mm.
- Bóc bỏ toàn bộ nền, lát nền phòng và hành lang, lát lại bằng gạch ceramic kích thước (500 x 500) mm.
- Thay mới hệ thống đường dây và thiết bị điện trong phòng và hành lang, hệ thống chống sét.
- Tháo dỡ và thay thế đường ống cấp nước hiện trạng bằng ống PPR.
- Tháo dỡ ống thoát nước mái cũ thay thế bằng ống PVC D90.

9.3. Hạng mục: Xây mới Nhà kho

- Phá dỡ hạng mục công trình cũ, tạo mặt bằng thi công hạng mục mới.
- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước (12 x 6,8) m. Chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà đến cốt đỉnh mái là 5,1 m (chiều cao nhà là 3,6 m; mái lợp tôn cao 1,5 m; cốt nhà cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,45 m). Mặt bằng các tầng bố trí các phòng chức năng, giao thông ngang bằng hành lang trước nhà rộng 1,8 m.

Tường xây gạch không nung dày 220 mm vữa XM mác 50. Tường lăn sơn 01 nước lót, 02 lớp sơn phủ màu. Nền lát gạch kích thước (500 x 500) mm. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính trắng dày 6,38 mm. Hoa sắt bằng sắt vuông kích thước (16 x 16 x 1) mm.

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 250. Dầm, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ.
- Phần thân sử dụng kết cấu khung BTCT chịu lực. Hệ cột dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình (22 x 35) cm, (22 x 40) cm; tiết diện cột điển hình (22 x 22) cm; sàn BTCT dày 12 cm.

9.4. Hạng mục: Xây mới Nhà vệ sinh

- Phá dỡ hạng mục công trình cũ, tạo mặt bằng thi công hạng mục mới.
- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước (4 x 5,19) m. Chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà đến cốt đỉnh mái là 3,3 m; cốt nhà cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,15 m. Mặt bằng bố trí khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.
- Tường xây gạch không nung dày 220 mm vữa XM mác 50. Tường ốp gạch men kích thước (300 x 600) mm cao sát trần. Trần lăn sơn 01 nước lót, 02 lớp sơn phủ. Nền lát gạch chống trơn kích thước (300 x 300) mm. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính trắng dày 6,38 mm.
- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200. Dầm, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ.

- Phần thân sử dụng kết cấu khung BTCT chịu lực; hệ cột dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình (22 x 30) cm; tiết diện cột điển hình (22 x 22) cm; sàn BTCT dày 10 cm.

9.5. Hạng mục: Xây mới nhà xe

- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước (16,22 x 7) m. Chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà đến cốt đỉnh mái là 3,6 m, mái tôn cao 0,8 m, cốt nhà cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,15 m.

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200.

- Kết cấu khung sử dụng vì kèo thép chịu lực, xà gồ mái sử dụng thép hộp, mái lợp tôn 0,4 mm.

9.6. Hạng mục: Công trình phụ trợ

- Phá dỡ và xây mới Hàng rào L = 16,7 m, cao 2,35 m; hàng rào xây gạch 220 mm vữa XM mác 50, sơn 1 lớp lót, 2 lớp màu. Trụ tường rào kích thước (300 x 300) mm, khoảng cách 3,0 m một trụ.

- Đầu tư mới sân bê tông. Hệ thống rãnh một số đoạn được nâng chiều cao thành rãnh, thay tấm đan rãnh để phù hợp với cao độ sân cải tạo.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.397.436.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	2.860.857.164 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	90.583.672 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	332.316.638 đồng;
- Chi phí khác	:	30.813.757 đồng;
- Chi phí dự phòng	:	82.864.281 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Thời gian thực hiện: Năm 2024-2025.

12. Nguồn vốn: Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân quản lý dự án.

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8611/SXD-HĐXD ngày 14/11/2024.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, CN_{HĐXD_TM.120}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized 'L' shape with a horizontal stroke extending to the right and a vertical stroke curving upwards and then back down to the right.

Lê Đức Giang

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Thọ Xuân

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	2.628.661.395	232.195.769	2.860.857.164
1	Nhà làm việc 2 tầng cải tạo	1.163.052.925	103.767.924	1.266.820.849
2	Nhà bếp cải tạo	326.325.529	29.249.238	355.574.767
3	Sân bê tông + rãnh nước + hàng rào	233.943.946	19.931.486	253.875.432
4	Nhà xe	91.702.685	8.240.737	99.943.422
5	Nhà vệ sinh	275.022.164	23.467.859	298.490.023
6	Nhà kho	538.614.146	47.538.525	586.152.671
II	Chi phí quản lý dự án	90.583.672		90.583.672
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	308.117.529	24.199.109	332.316.638
1	Chi phí khảo sát địa hình	12.823.837	1.025.907	13.849.744
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	384.715	30.777	415.492
3	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	132.326.815	10.586.145	142.912.960
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	13.353.600	1.068.288	14.421.888
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	11.355.817	908.465	12.264.282
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	86.351.527	6.908.122	93.259.649
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	522.187	41.775	563.962
8	Chi phí kiểm định công trình	45.370.370	3.629.630	49.000.000
9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	2.628.661		2.628.661
10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.000.000		3.000.000
IV	Chi phí khác	30.603.464	210.293	30.813.757
1	Chi phí bảo hiểm công trình	2.102.929	210.293	2.313.222
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	500.000		500.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	19.365.382		19.365.382
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	8.635.153		8.635.153
V	Chi phí dự phòng			82.864.281
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			82.864.281
	Tổng cộng			3.397.435.512
	Làm tròn			3.397.436.000